

**Công ty CP QLQ VinaWealth**  
Số: 150905/VNW

**Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. HCM, Ngày 22 tháng 09 năm 2015

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC**  
**CẬP NHẬT THÔNG TIN BẢN CÁO BẠCH QUỸ**

Kính gửi: **Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 31/UBCK-GP cấp ngày 14/04/2008 và giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK cấp ngày 20/04/2012.

2. Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaWealth (“VEOF”)**

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 12/GCN-UBCK ngày 01/07/2014

3. Lý do thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

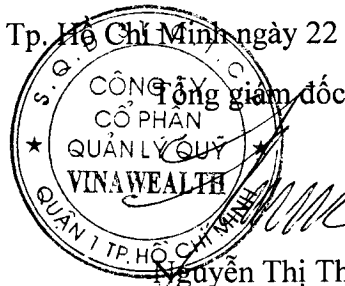
- Căn cứ thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
- Căn cứ Điều lệ quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaWealth (“VEOF”);
- Căn cứ nghị quyết đại hội nhà đầu tư Quỹ VEOF số 150801/VEOF, ngày 05/08/2015 về việc thay đổi ngân hàng lưu ký, giám sát và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng

Công ty CP QLQ VinaWealth xin trân trọng báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước các thay đổi Bản cáo bạch của quỹ VEOF theo phụ lục đính kèm.

4. Thời hạn hiệu lực: Sau thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nộp bản cáo bạch cập nhật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và không nhận được ý kiến phản đối bằng văn bản.

5. Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

Tp. Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 09 năm 2015



Nguyễn Thị Thái Thuận

## Bảng tóm tắt các nội dung thay đổi

| STT | Điều khoản sửa đổi  | Bản cáo bạch hiện tại<br>(cập nhật ngày 7 tháng 7 năm 2014)  | Dự thảo Bản cáo bạch sửa đổi  | Nguyên nhân sửa đổi  |
|-----|---|--|---|--|
| 1   | Trang bìa   | <p><b>Bản cáo bạch này được cung cấp tại:</b><br/> <b>Địa chỉ:</b> Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth)<br/> Tầng 17, Cao ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br/> <b>Điện thoại:</b> (84 – 8) 3827 8535<br/> <b>Fax:</b> (84 – 8) 3827 8536<br/> <b>Email:</b> <a href="mailto:ir@vinawealth.com.vn">ir@vinawealth.com.vn</a><br/> <b>Website:</b> <a href="http://www.vinawealth.com.vn">www.vinawealth.com.vn</a></p> <p><b>Phụ trách công bố thông tin:</b><br/> <b>Bà:</b> Nguyễn Thị Thái Thuận – Chủ tịch HĐQT<br/> <b>Địa chỉ:</b> Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth)<br/> Tầng 17, Cao ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br/> <b>Điện thoại:</b> (84 – 8) 3827 8535<br/> <b>Fax:</b> (84 – 8) 3827 8536</p>   | <p><b>Bản cáo bạch này được cung cấp tại:</b><br/> <b>Địa chỉ:</b> Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth)<br/> Tầng 5, Cao ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br/> <b>Điện thoại:</b> (84 – 8) 3827 8535<br/> <b>Fax:</b> (84 – 8) 3827 8536<br/> <b>Email:</b> <a href="mailto:ir@vinawealth.com.vn">ir@vinawealth.com.vn</a><br/> <b>Website:</b> <a href="http://www.vinawealth.vn">www.vinawealth.vn</a></p> <p><b>Phụ trách công bố thông tin:</b><br/> <b>Bà:</b> Nguyễn Thị Thái Thuận – Chủ tịch HĐQT<br/> <b>Địa chỉ:</b> Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth)<br/> Tầng 5, Cao ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br/> <b>Điện thoại:</b> (84 – 8) 3827 8535<br/> <b>Fax:</b> (84 – 8) 3827 8536</p>  | Cập nhật địa chỉ văn phòng và địa chỉ trang điện tử của VinaWealth |
| 2   | Điều I. Những người chịu trách nhiệm về nội dung của Bản Cáo Bạch | <p>C. Ngân hàng Giám sát</p> <p>Đại diện theo pháp luật: Ông Sumit Dutta</p> <p>Chức vụ: Tổng giám đốc <u>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</u></p> <p>Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ VEOF do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng HSBC. Theo quy định của pháp luật hiện hành và những quy định đã được thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát, Ngân hàng giám sát chỉ xác nhận những thông tin có liên quan đến Ngân hàng giám sát ở mục V của Bản cáo bạch, các thông tin còn lại trong Bản cáo bạch này không nằm trong phạm vi và xác nhận của Ngân hàng giám sát. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth cung cấp.</p> | <p>B. Ngân hàng Giám sát</p> <p>Đại diện theo pháp luật: Ông Maxime de Guillebon</p> <p>Chức vụ: Tổng giám đốc <u>Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt nam)</u></p> <p>Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ VEOF do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng SCBVN. Theo quy định của pháp luật hiện hành và những quy định đã được thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát, Ngân hàng giám sát chỉ xác nhận những thông tin có liên quan đến Ngân hàng giám sát ở mục V của Bản cáo bạch, các thông tin còn lại trong Bản cáo bạch này không nằm trong phạm vi và xác nhận của Ngân hàng giám sát. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth cung cấp.</p> | Cập nhật thông tin của ngân hàng cung cấp dịch vụ quỹ thay thế     |
| 3   | Điều II. Thuật ngữ/định nghĩa                                     | <p>"Ngân hàng giám sát"</p> <p><u>Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (sau đây được gọi tắt là "Ngân hàng HSBC") được thành lập theo giấy phép số 235/GP-NHNN, do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2013 hoặc bất kỳ Ngân hàng giám sát nào được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.</u></p>   | <p>"Ngân hàng giám sát"</p> <p><u>Là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt nam) ("SCBVN"), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 hoặc bất kỳ ngân hàng giám sát nào được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.</u></p>   | Cập nhật thông tin của ngân hàng cung cấp dịch vụ quỹ thay thế     |

|   |   |  |   |  |
|---|---|--|---|--|
| 4 | Điều IV. Thông tin công ty Quản lý Quỹ VinaWealth | <p>A. Thông tin về Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth</p> <p>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/04/2008. Trụ sở đặt tại tầng 17, Cao ốc SunWah, số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. VinaWealth có tổng Vốn điều lệ là 62.000.000.000 đồng, trong đó 51% vốn góp từ các cá nhân trong nước và 49% thuộc sở hữu của tập đoàn VinaCapital.</p>  | <p>A. Thông tin về Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth</p> <p>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/04/2008. Trụ sở đặt tại tầng 17, Cao ốc SunWah, số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. VinaWealth có tổng Vốn điều lệ là 62.000.000.000 đồng, trong đó 51% vốn góp từ các cá nhân trong nước và 49% thuộc sở hữu của tập đoàn VinaCapital.</p>   | Cập nhật thông tin của VinaWealth      |
| 5 | Điều IV. Thông tin công ty Quản lý Quỹ VinaWealth | <p>D. Giới thiệu về Ban Điều hành của VinaWealth</p> <p>Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Chủ tịch Hội đồng quản trị<br/>         Ông Trần Văn Mẫn – Giám đốc đầu tư Cổ phiếu<br/>         Ông Hồ Văn Dũng – Giám đốc KTNB<br/>         Bà Nguyễn Thị Xuân Dung – Trưởng phòng Chứng khoán lãi suất cố định<br/>         Ông Đặng Vi Thanh – Giám đốc kinh doanh – khối khách hàng cá nhân<br/>         Ông Andrew Võ – Giám đốc kinh doanh - khối khách hàng doanh nghiệp</p> <p>Xin vui lòng tham khảo trang thông tin điện tử của VinaWealth (<a href="http://www.vinawealth.com.vn">www.vinawealth.com.vn</a>) để biết thêm thông tin chi tiết của thành viên Ban Điều hành của VinaWealth.</p>   | <p>D. Giới thiệu về Ban Điều hành của VinaWealth</p> <p>Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Chủ tịch Hội đồng quản trị<br/>         Ông Trần Văn Mẫn – Giám đốc đầu tư Cổ phiếu<br/>         Ông Hồ Văn Dũng – Giám đốc KTNB<br/>         Bà Nguyễn Thị Xuân Dung – Trưởng phòng Chứng khoán lãi suất cố định<br/>         Ông Andrew Võ – Giám đốc kinh doanh - khối khách hàng doanh nghiệp</p> <p>Xin vui lòng tham khảo trang thông tin điện tử của VinaWealth (<a href="http://www.vinawealth.vn">www.vinawealth.vn</a>) để biết thêm thông tin chi tiết của thành viên Ban Điều hành của VinaWealth</p>  | Cập nhật thông tin của VinaWealth      |
| 6 | Điều IV. Thông tin công ty Quản lý Quỹ VinaWealth | <p>E. Giới thiệu về Hội đồng đầu tư của VinaWealth</p> <p><b>Andy Ho – Chủ tịch hội đồng đầu tư</b></p> <p>Ông Andy Ho hiện Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của VinaWealth và đang là Giám đốc điều hành và là người đứng đầu bộ phận Đầu tư của VinaCapital, ông chịu trách nhiệm quản lý đội ngũ đầu tư trên thị trường vốn, cổ phần tư nhân, thu nhập cố định và vốn đầu tư mạo hiểm của VinaCapital. Trước đây, ông đã làm việc tại công ty quản lý quỹ Prudential Việt Nam với chức danh Giám đốc Đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý danh mục đầu tư thị trường vốn và chiến lược đầu tư của Prudential. Ông cũng đã từng nắm giữ các vị trí quản lý tại Dell Ventures (tập đoàn đầu tư của Dell Computer Corporation) và Ernst &amp; Young. Ông Andy Ho là một nhà quản lý hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư thị trường vốn, cổ phần hóa, mua bán và cơ cấu cổ phần tư nhân tại Việt Nam, ông đã thành công trong việc sắp xếp các thương vụ mua bán cổ phần riêng lẻ có tổng giá trị hơn 700 triệu USD.</p> <p><u>Ông Andy Ho có bằng Thạc sĩ của Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) và Chứng chỉ Kế toán công (CPA) Hoa Kỳ. Ông đã hoàn tất chương trình đào tạo chứng khoán và đã thi đầu kỳ thi sát hạch chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN tổ chức.</u></p> <p><b>Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Thành viên</b></p> <p>Bà Thái gia nhập VinaWealth từ tháng 01 năm 2014 và hiện là Chủ tịch hội đồng quản trị, Kiêm Giám đốc điều hành của VinaWealth với hơn 7 năm kinh nghiệm làm việc tại Hoa Kỳ, cho các tổ chức tư vấn chiến lược và quản lý đa quốc gia là Hay Management Consultant và Monitor Group. Sau khi trở về Việt Nam tháng 04 năm 2008, Bà phụ trách các vấn đề chiến lược, huy động vốn và quản lý danh mục của tập đoàn VinaCapital. Sau đó vào tháng 01 năm 2012, Bà gia nhập tập đoàn chuyên đầu tư vào các công ty chưa niêm yết tại Việt Nam là Vietnam Investment Group (VIG), trên cương vị giám đốc, phụ trách các vấn đề đầu tư, quan hệ nhà đầu tư và chiến lược nhân sự của tập đoàn.</p> <p><u>Bà Thái có bằng Thạc sĩ quản trị Marketing và kinh doanh của trường đại học Wharton và bằng Cử nhân về Tâm lý học của trường Đại học Harvard và chứng chỉ</u></p> | <p>E. Giới thiệu về Hội đồng đầu tư của VinaWealth</p> <p><b>Andy Ho – Chủ tịch hội đồng đầu tư</b></p> <p>Ông Andy Ho hiện Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của VinaWealth và đang là Giám đốc điều hành và là người đứng đầu bộ phận Đầu tư của VinaCapital, ông chịu trách nhiệm quản lý đội ngũ đầu tư trên thị trường vốn, cổ phần tư nhân, thu nhập cố định và vốn đầu tư mạo hiểm của VinaCapital. Trước đây, ông đã làm việc tại công ty quản lý quỹ Prudential Việt Nam với chức danh Giám đốc Đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý danh mục đầu tư thị trường vốn và chiến lược đầu tư của Prudential. Ông cũng đã từng nắm giữ các vị trí quản lý tại Dell Ventures (tập đoàn đầu tư của Dell Computer Corporation) và Ernst &amp; Young. Ông Andy Ho là một nhà quản lý hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư thị trường vốn, cổ phần hóa, mua bán và cơ cấu cổ phần tư nhân tại Việt Nam, ông đã thành công trong việc sắp xếp các thương vụ mua bán cổ phần riêng lẻ có tổng giá trị hơn 700 triệu USD.</p> <p><u>Ông Andy Ho có bằng Thạc sĩ của Viện Công nghệ Massachusetts (MIT), Chứng chỉ Kế toán công (CPA) Hoa Kỳ và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN cấp.</u></p> <p><b>Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Thành viên</b></p> <p>Bà Thái gia nhập VinaWealth từ tháng 01 năm 2014 và hiện là Chủ tịch hội đồng quản trị, Kiêm Giám đốc điều hành của VinaWealth với hơn 7 năm kinh nghiệm làm việc tại Hoa Kỳ, cho các tổ chức tư vấn chiến lược và quản lý đa quốc gia là Hay Management Consultant và Monitor Group. Sau khi trở về Việt Nam tháng 04 năm 2008, Bà phụ trách các vấn đề chiến lược, huy động vốn và quản lý danh mục của tập đoàn VinaCapital. Sau đó vào tháng 01 năm 2012, Bà gia nhập tập đoàn chuyên đầu tư vào các công ty chưa niêm yết tại Việt Nam là Vietnam Investment Group (VIG), trên cương vị giám đốc, phụ trách các vấn đề đầu tư, quan hệ nhà đầu tư và chiến lược nhân sự của tập đoàn.</p> <p><u>Bà Thái có bằng Thạc sĩ quản trị Marketing và kinh doanh của trường đại học Wharton, bằng Cử nhân về Tâm lý học của trường Đại học Harvard và chứng chỉ</u></p> | Cập nhật thông tin của Hội đồng đầu tư |

|   |   |   |  |  |
|---|---|---|--|--|
|   |   | <p><u>Tâm lý học của trường Đại học Harvard, Bà đã hoàn tất chương trình đào tạo chứng khoán và đã thi đậu kỳ thi sát hạch chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN tổ chức.</u></p> <p><b>Bà Nguyễn Thị Xuân Dung – Thành Viên</b></p> <p>Bà Dung hiện là Trưởng phòng Đầu tư chứng khoán lãi suất cố định của VinaWealth với hơn 12 năm kinh nghiệm làm việc cho các định chế tài chính tại Việt Nam. Trước khi gia nhập đội ngũ lãnh đạo của VinaWealth, Bà Dung từng là Trưởng phòng Đầu tư Chứng khoán lãi suất cố định và ngân quỹ của tập đoàn VinaCapital. Bà đã quản lý danh mục đầu tư và ngân quỹ trị giá khoảng 100 triệu Mỹ kim một cách thành công. Bà cũng từng phụ trách mảng đầu tư chứng khoán lãi suất cố định cho công ty Bảo Hiểm AIA (Mỹ) với tổng tài sản quản lý trị giá hơn 150 triệu Mỹ kim. Bà có bằng thạc sỹ tài chính của Đại học Columbia Southern University (Mỹ), bằng cử nhân Ngân hàng của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, bằng cử nhân Tiếng Anh của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Bà đã hoàn tất chương trình đào tạo chứng khoán và đã thi đậu kỳ thi sát hạch chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN tổ chức.</p> <p><b>Ông Trần Văn Mẫn – Thành viên</b></p> <p>Ông Mẫn hiện đang là Giám đốc đầu tư Chứng khoán vốn của VinaWealth với hơn 08 năm kinh nghiệm làm việc trong thị trường tài chính và kiểm toán. Ông Mẫn từng đảm nhiệm vị trí trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management – VFM); kiểm toán viên công ty cổ phần kiểm toán và tư vấn (A&amp;C). Ông có bằng cử nhân Đại học Ngân Hàng, chứng chỉ Quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN cấp.</p> | <p>hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN cấp.</p> <p><b>Ông Vương Tuấn Dương – Thành viên</b></p> <p>Ông Dương chịu trách nhiệm và quản lý các khoản đầu tư của nhóm thị trường vốn của VinaCapital. Ông Dương có gần 20 năm kinh nghiệm đầu tư, trong đó có 7 năm gần nhất làm việc tại Việt Nam. Trước đó, Ông Dương giữ chức vụ Trưởng bộ phận Phân tích của Công ty quản lý quỹ PXP Việt Nam, nơi Ông lãnh đạo một đội ngũ chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm đưa ra các ý tưởng đầu tư cho tất cả các bộ phận đầu tư của công ty. Trước thời gian làm việc tại Việt Nam, Ông cũng làm việc ở nhiều vị trí khác nhau bao gồm chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp của công ty ADIA tại Abu Dhabi và chuyên viên phân tích về ngành ngân hàng tại Merrill Lynch trụ sở ở Luân Đôn. Ông Dương đạt chứng nhận CFA (CFA charter holder) vào năm 2001</p> <p><b>Bà Nguyễn Hoài Thu – Thành viên</b></p> <p>Bà Nguyễn Hoài Thu hiện là Giám đốc Điều hành của VinaCapital, phụ trách mảng đầu tư vào thị trường vốn và phát triển các sản phẩm quỹ mở. Bà Thu có 12 năm kinh nghiệm với thị trường vốn châu Á, bao gồm kinh nghiệm ngân hàng đầu tư với DBS Bank (Singapore) và kinh nghiệm quản lý quỹ đầu tư vào thị trường chứng khoán châu Á với DBS Asset Management (Singapore) và tập đoàn BankInvest (Đan Mạch). Trước khi gia nhập VinaCapital, bà Thu là đồng sáng lập, Tổng Giám Đốc Kiểm Giám Đốc Đầu Tư của Vietnam Asset Management Ltd., một công ty có bề dày kinh nghiệm quản lý quỹ mở vào bậc lâu năm nhất tại Việt Nam. Bà Thu có bằng Đại học Hạng Ưu chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại Đại học Quốc gia Singapore, bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA) và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN cấp.</p> |  |
| 7 | Điều IV. Thông tin công ty Quản lý Quỹ VinaWealth | <p>F. Thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ VinaWealth</p> <p>[...]</p> <p>VinaWealth cũng đã thành công trong việc phát hành CCQ đầu tư ra công chúng và thành lập Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaWealth (Viết tắt là VEOF) theo giấy phép số 12/GCN-UBCK, do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 1 tháng 7 năm 2014.</p>  | <p>F. Thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ VinaWealth</p> <p>[...]</p> <p>VinaWealth cũng đã thành công trong việc phát hành CCQ đầu tư ra công chúng và thành lập Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaWealth (Viết tắt là VEOF) theo giấy phép số 12/GCN-UBCK, do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 1 tháng 7 năm 2014.</p> <p><u>Ngoài ra VinaWealth cũng đang quản lý danh mục đầu tư ở Việt Nam cho quỹ mở Forum One (VVF) được thành lập tại Luxembourg với giá trị tài sản quỹ lúc thành lập vào tháng 07 năm 2015 là 97 triệu USD.</u></p>  | Cập nhật thông tin của VinaWealth                              |
| 8 | Điều V. Ngân hàng giám sát                        | <p><u>Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), Giấy phép thành lập số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008.</u></p> <p><u>Địa chỉ: Tầng 6 Cao ốc Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.</u></p> <p><u>Điện thoại: (84 – 8) 3829 2288 Fax: (84 – 8) 3823 0530</u></p>  | <p><u>Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt nam) (“SCBVN”), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015.</u></p> <p><u>Địa chỉ: Phòng 1810 - 1815, Tầng 18, Tòa nhà Keangnam Hanoi Landmark, Lô E6, Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội</u></p> <p><u>Điện thoại: (84-4) 39 36 80 00 Fax: (84-4) 32 48 43 55</u></p>  | Cập nhật thông tin của ngân hàng cung cấp dịch vụ quỹ thay thế |

|    |  |   |   |  |
|----|--|---|---|--|
| 9  | Điều VIII. Tổ chức được ủy quyền.                | Căn cứ vào nhu cầu, năng lực, uy tín và kinh nghiệm của <u>HSBC</u> , VinaWealth đã ủy quyền cho ngân hàng <u>HSBC</u> (chi tiết tại Phần V của Bản cáo bạch này) cung cấp các dịch vụ ủy quyền bao gồm: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và <u>dịch vụ đại lý chuyển nhượng</u> .   | Căn cứ vào nhu cầu, năng lực, uy tín và kinh nghiệm của <u>SCBVN</u> , VinaWealth đã ủy quyền cho ngân hàng <u>SCBVN</u> (chi tiết tại Phần V của Bản cáo bạch này) cung cấp các dịch vụ ủy quyền bao gồm: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư. <u>VinaWealth cũng đã lựa chọn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng</u> .  | Cập nhật thông tin của ngân hàng cung cấp dịch vụ thay thế   |
| 10 | Điều IX – Phần A: Thông tin chung về Quỹ - Mục 1 | Địa chỉ: Tầng 17, Cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>Điện thoại: (84 - 8) 38278535<br>Fax: (84 - 8) 38278536  | Địa chỉ: Tầng 5, Cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>Điện thoại: (84 - 8) 38278535<br>Fax: (84 - 8) 38278536   | Cập nhật thông tin của VinaWealth  |
| 11 | Điều IX – Phần B: Điều lệ tóm tắt – Mục 3(d)     | ii. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ<br><br><u>L</u> ựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.   | ii. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ<br><br><u>L</u> ựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.   | Sửa lỗi chính tả   |
| 12 | Điều IX – Phần B: Điều lệ tóm tắt – Mục 5(a)     | <u>Trong Bản cáo bạch này có đề cập đến Đại lý ký danh, tài khoản ký danh và tiểu khoản giao dịch của Nhà đầu tư trên tài khoản đứng tên đại lý ký danh. Tuy nhiên Nhà đầu tư cần lưu ý là VinaWealth chưa thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ VEOF thông qua đại lý ký danh. Trước khi triển khai phân phối chứng chỉ quỹ VEOF thông qua đại lý ký danh, VinaWealth sẽ công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của VinaWealth.</u><br><br>Đối với nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ, VinaWealth và hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, hoặc đại lý phân phối do VinaWealth chỉ định phải tổng hợp thông tin nhận biết nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ do VinaWealth và hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, hoặc đại lý phân phối do VinaWealth chỉ định cung cấp. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ sau:<br><br>[...]<br><br>Đại lý chuyển nhượng <u>Ngân hàng HSBC</u> được VinaWealth ủy quyền có trách nhiệm kiểm tra thông tin của Nhà đầu tư để xác nhận nhà đầu tư chưa được tạo tài khoản giao dịch quỹ VEOF | Đối với nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ, VinaWealth và hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, hoặc đại lý phân phối do VinaWealth chỉ định phải tổng hợp thông tin nhận biết nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ do VinaWealth và hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, hoặc đại lý phân phối do VinaWealth chỉ định cung cấp. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ sau:<br><br>[...]<br><br>Đại lý chuyển nhượng là <u>Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")</u> được VinaWealth ủy quyền có trách nhiệm kiểm tra thông tin của Nhà đầu tư để xác nhận nhà đầu tư chưa được tạo tài khoản giao dịch quỹ VEOF | Cập nhật thông tin liên quan đến đại lý ký danh, và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng: <u>LÝ QU WEALTH HỒ CHÍ MINH</u> |
| 13 | Điều IX – Phần B: Điều lệ tóm tắt – Mục 5(b)     | VinaWealth và tổ chức cung cấp dịch vụ do VinaWealth chỉ định có liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh ngày T-1 <u>cho đến hết ngày giao dịch T sẽ bị hủy</u> .   | VinaWealth và tổ chức cung cấp dịch vụ do VinaWealth chỉ định có liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh vào lúc 10h30 sáng ngày T-1 <u>được tự động chuyển sang kỳ giao dịch kế tiếp nếu không có chỉ thị khác từ công ty quản lý quỹ</u> .  | Xử lý lệnh nhận sau khi cut off  |
| 14 | Điều IX – Phần B: Điều lệ tóm tắt – Mục 5(c)     | Nhà đầu tư thanh toán chuyển khoản giao dịch mua chứng chỉ quỹ trực tiếp vào các tài khoản của quỹ mà không thanh toán vào tài khoản khác của đại lý phân phối. <u>Trường hợp Nhà đầu tư ủy quyền cho Bên thứ ba chuyển tiền (tiền được chuyển khoản từ tài khoản của Bên thứ ba được ủy quyền) thì nhà đầu tư phải đăng ký thông tin của bên được ủy quyền chuyển khoản với tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng thông qua tổ chức phân phối phục vụ trước khi thực hiện giao dịch đầu tư. Tổ chức phân phối phục vụ có trách nhiệm kiểm tra để đảm bảo việc ủy quyền này được thực hiện tuân thủ các quy định có liên quan về ủy quyền.</u><br><br>[...]<br><br>VinaWealth mở tài khoản tiền của quỹ VEOF tại Ngân hàng giám sát <u>HSBC</u> để nhận tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ VEOF của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Đại lý ký danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng  | Nhà đầu tư thanh toán chuyển khoản giao dịch mua chứng chỉ quỹ trực tiếp vào các tài khoản của quỹ mà không thanh toán vào tài khoản khác của đại lý phân phối.<br><br>[...]<br><br>VinaWealth mở tài khoản tiền của quỹ VEOF tại Ngân hàng giám sát <u>SCBVN</u> để nhận tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ VEOF của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Đại lý ký danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch  | Cập nhật thông tin Bản cáo bạch  |

|    |  |   |  |   |
|----|--|---|--|---|
|    |  | chỉ quỹ mở tại ngân hàng giám sát theo quy định để nhận tiền gửi thanh toán giao dịch của nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh.  | chứng chỉ quỹ mở tại ngân hàng giám sát theo quy định để nhận tiền gửi thanh toán giao dịch của nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh.   |   |
| 15 | Điều IX – Phần B:<br>Điều lệ tóm tắt – Mục 6(b)              | Hình thức CBTT: Trên website của VinaWealth<br>Nơi CBTT: <a href="http://www.vinawealth.com.vn">www.vinawealth.com.vn</a><br>Tần suất CBTT: Một tuần một lần vào ngày T+3   | Hình thức CBTT: Trên website của VinaWealth<br>Nơi CBTT: <a href="http://www.vinawealth.vn">www.vinawealth.vn</a><br>Tần suất CBTT: Một tuần một lần vào ngày T+3  | Cập nhật thông tin của VinaWealth                                     |
| 16 | Điều IX – Phần B:<br>Điều lệ tóm tắt – Mục 7(a)              | Thời điểm thanh toán : Hàng tháng trong vòng 15 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo   | Thời điểm thanh toán : Hàng tháng trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo  | Thay đổi thời điểm thanh toán   |
| 17 | Điều IX – Phần B:<br>Điều lệ tóm tắt – Mục 7(c)              | <u>Phí lưu ký và giám sát: 0,08% NAV của Quỹ tính trên số ngày thực tế phát sinh xác định vào các kỳ định giá.</u><br><u>Thời điểm thanh toán: Hàng tháng hàng tháng trong vòng 15 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.</u><br><u>Phương thức thanh toán: NHGS sẽ tự động trích tiền từ tài khoản của Quỹ để chuyển cho NHGS theo chỉ thị thanh toán thường xuyên</u>   | <u>Phí giám sát: 0,04% năm tính trên GTTSR. Tối thiểu là 15.000.000 VND/tháng</u><br><u>Phí lưu ký : 0,04% năm tính trên GTTSR. Tối thiểu là 15.000.000 VND/tháng</u><br><u>Thời điểm thanh toán : Hàng tháng trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo</u>  | Cập nhật phí dịch vụ thanh toán cho tổ chức cung cấp dịch vụ thay thế |
| 18 | Điều IX – Phần B:<br>Điều lệ tóm tắt – Mục 7(e)              | <u>Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm đảm bảo các khoản thanh toán của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quyết định của Đại hội nhà đầu tư.</u>   | <u>Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ</u>  | Chính lý, làm rõ  |
| 19 | Điều IX – Phần B:<br>Điều lệ tóm tắt – Mục 7(f)              | [...] Ngân hàng giám sát sẽ giám sát đảm bảo việc thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ  | [...] Ngân hàng giám sát sẽ giám sát đảm bảo việc thanh toán là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ  | Chính lý, làm rõ  |
| 20 | Điều X – Phần C:<br>Giao dịch chứng chỉ quỹ lần sau – Mục 5  | Các lệnh đặt trước thời điểm khóa sổ lệnh và được xác nhận bởi đại lý chuyển nhượng của Quỹ VEOF sẽ được thực hiện ở mức giá xác định ở ngày giao dịch (T). Các lệnh nhận đặt mua sau thời điểm khóa sổ sẽ được thực hiện cho kỳ giao dịch kế tiếp và phần còn lại của lệnh đặt bán trước đó sẽ được tự động hủy.   | Các lệnh đặt trước thời điểm khóa sổ lệnh và được xác nhận bởi đại lý chuyển nhượng của Quỹ VEOF sẽ được thực hiện ở mức giá xác định ở ngày giao dịch (T). Các lệnh nhận đặt mua sau thời điểm khóa sổ sẽ được thực hiện cho kỳ giao dịch kế tiếp và phần còn lại của lệnh đặt bán trước đó sẽ được tự động hủy   | Chính lý, làm rõ  |
| 21 | Điều X – Phần C:<br>Giao dịch chứng chỉ quỹ lần sau – Mục 10 | Lệnh giao dịch của nhà đầu tư sẽ bị hủy bỏ trong những trường hợp sau đây:<br>- Quỹ chưa nhận tiền đăng ký mua chứng chỉ quỹ VEOF trước cuối ngày (T-1);<br>- <u>Khoản thanh toán được thanh toán từ Bên thứ ba, không phải từ tài khoản của Nhà đầu tư và/hoặc người ủy quyền hợp lệ. Trong trường hợp này Quỹ sẽ hoàn trả lại cho người chuyển. Chi phí ngân hàng phát sinh liên quan đến việc chuyển khoản (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền chuyển.</u><br>- Số tiền thanh toán của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị của lệnh đăng ký mua và tổ chức phân phối chưa thực hiện các thủ tục điều chỉnh cần thiết trước thời gian quy định được chi tiết trong quy trình Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này quỹ sẽ hoàn trả tiền lại cho nhà đầu tư sau khi cần trừ phí chuyển khoản ngân hàng (nếu có).<br>- Các giao dịch không đủ điều kiện, không phù hợp với các quy định pháp luật và/ hoặc Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ VEOF. | Lệnh giao dịch của nhà đầu tư sẽ bị hủy bỏ trong những trường hợp sau đây:<br>- Quỹ chưa nhận tiền đăng ký mua chứng chỉ quỹ VEOF trước cuối ngày (T-1);<br><br>- Số tiền thanh toán của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị của lệnh đăng ký mua và tổ chức phân phối chưa thực hiện các thủ tục điều chỉnh cần thiết trước thời gian quy định được chi tiết trong quy trình Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này quỹ sẽ hoàn trả tiền lại cho nhà đầu tư sau khi cần trừ phí chuyển khoản ngân hàng (nếu có).<br>- Các giao dịch không đủ điều kiện, không phù hợp với các quy định pháp luật và/ hoặc Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ VEOF. | Bỏ đi phần không cần thiết  |
| 22 | Điều X – Phần C:<br>Giao dịch chứng chỉ quỹ lần sau – Mục 11 | Nhà đầu tư được phép chuyển đổi chứng chỉ quỹ qua lại giữa các quỹ do VinaWealth quản lý tại cùng Đại lý chuyển nhượng, HSBC. Quy trình chuyển đổi được thực hiện giống như quy trình bán và mua trong đó lệnh bán sẽ được thực hiện trước, tiền được chuyển từ Quỹ bán sang Quỹ mục tiêu để thực hiện lệnh mua (có thể cùng hoặc khác ngày giao dịch).   | Nhà đầu tư được phép chuyển đổi chứng chỉ quỹ qua lại giữa các quỹ do VinaWealth quản lý tại cùng Đại lý chuyển nhượng, YSD. Quy trình chuyển đổi được thực hiện giống như quy trình bán và mua trong đó lệnh bán sẽ được thực hiện trước, tiền được chuyển từ Quỹ bán sang Quỹ mục tiêu để thực hiện lệnh mua (có thể cùng hoặc khác ngày giao dịch).   | Cập nhật thông tin của ngân hàng cung cấp dịch vụ quỹ thay thế        |

|    |   |  |  |  |
|----|---|--|--|--|
| 23 | Điều X – Phần C: Giao dịch chứng chỉ quỹ lần sau – Mục 15       | Theo quy định của pháp luật hiện hành.   | Nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư không hạn chế vào chứng chỉ quỹ mở.  | Cập nhật theo qui định tại nghị định 60/2015 |
| 24 | Điều X – Phần E: Chương trình đầu tư tiết kiệm VinaSave – Mục 1 | Ghi chú: do VinaSave là chương trình đầu tư dài hạn do đó nhà đầu tư không phải trả phí phát hành (subscription fee) tuy nhiên phí bán lại (redemption fee) sẽ cao hơn nếu nhà đầu tư nắm giữ dưới <u>2 năm</u> (biểu phí chi tiết tại phụ lục số 14).   | Ghi chú: do VinaSave là chương trình đầu tư dài hạn do đó nhà đầu tư không phải trả phí phát hành (subscription fee) tuy nhiên phí bán lại (redemption fee) sẽ cao hơn nếu nhà đầu tư nắm giữ dưới thời hạn tối thiểu được công bố vào thời điểm đăng ký mua CCCQ (biểu phí chi tiết tại phụ lục số 14).   | Chính lý, làm rõ                             |
| 25 | Điều XI – Mục 1   | Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán sẽ được VinaWealth cập nhật hàng năm sau khi được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của VinaWealth tại địa chỉ <a href="http://www.vinawealth.com.vn">www.vinawealth.com.vn</a> hoặc liên lạc trụ sở VinaWealth để nhận bản sao báo cáo tài chính được công bố gần nhất.  | Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán sẽ được VinaWealth cập nhật hàng năm sau khi được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của VinaWealth tại địa chỉ <a href="http://www.vinawealth.vn">www.vinawealth.vn</a> hoặc liên lạc trụ sở VinaWealth để nhận bản sao báo cáo tài chính được công bố gần nhất.  | Cập nhật thông tin của VinaWealth            |
| 26 | Điều XI – Mục 2   | Báo cáo các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ VEOF sẽ được VinaWealth cập nhật định kỳ tại <a href="http://www.vinawealth.com.vn">www.vinawealth.com.vn</a> hoặc trong các bản tin của VinaWealth.  | Báo cáo các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ VEOF sẽ được VinaWealth cập nhật định kỳ tại <a href="http://www.vinawealth.vn">www.vinawealth.vn</a> hoặc trong các bản tin của VinaWealth.  | Cập nhật thông tin của VinaWealth            |
| 27 | Điều XI – Mục 4   | Báo cáo tài chính được kiểm toán sẽ được cập nhật trên trang thông tin điện tử của VinaWealth tại địa chỉ <a href="http://www.vinawealth.com.vn">www.vinawealth.com.vn</a> và hoặc trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và hoặc sẽ được gửi đến nhà đầu tư tham dự Đại hội nhà đầu tư thường niên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính. Định kỳ nhà đầu tư nhận sao kê tài khoản Quý của nhà đầu tư thông qua địa chỉ hòm thư điện tử đăng ký. Tuy nhiên nếu trong tháng nhà đầu tư có giao dịch thì nhà đầu tư sẽ nhận thêm sao kê của tháng có giao dịch từ tổ chức phân phối. Ngoài ra nhà đầu tư có thể yêu cầu tổ chức phân phối nơi nhà đầu tư mở tài khoản cung cấp sao kê vào bất cứ ngày làm việc nào. | Báo cáo tài chính được kiểm toán sẽ được cập nhật trên trang thông tin điện tử của VinaWealth tại địa chỉ <a href="http://www.vinawealth.vn">www.vinawealth.vn</a> và hoặc trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và hoặc sẽ được gửi đến nhà đầu tư tham dự Đại hội nhà đầu tư thường niên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính. Định kỳ nhà đầu tư nhận sao kê tài khoản Quý của nhà đầu tư thông qua địa chỉ hòm thư điện tử đăng ký. Tuy nhiên nếu trong tháng nhà đầu tư có giao dịch thì nhà đầu tư sẽ nhận thêm sao kê của tháng có giao dịch từ tổ chức phân phối. Ngoài ra nhà đầu tư có thể yêu cầu tổ chức phân phối nơi nhà đầu tư mở tài khoản cung cấp sao kê vào bất cứ ngày làm việc nào. | Cập nhật thông tin của VinaWealth            |
| 28 | Điều XII  | VinaWealth và Ngân hàng giám sát phải luôn đảm bảo các giao dịch với Quỹ VEOF hoặc cho Quỹ VEOF được thực hiện trên nguyên tắc khách quan và độc lập.  | VinaWealth và Ngân hàng giám sát phải luôn đảm bảo các giao dịch với Quỹ VEOF hoặc cho Quỹ VEOF được thực hiện trên nguyên tắc khách quan và độc lập. <u>Ngân hàng giám sát đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ</u>   | Chính lý, làm rõ                             |
| 29 | Điều XIII   | VinaWealth, Ngân hàng giám sát, đại lý phân phối, nhà cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban đại diện quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo vệ thông tin về hoạt động của quỹ, thông tin của các nhà đầu tư và không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền  | VinaWealth, Ngân hàng giám sát, đại lý phân phối, nhà cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban đại diện quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của quỹ, thông tin của các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.   | Chính lý, làm rõ                             |
| 30 | Điều XIV  | Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth Tầng 17, Cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84 - 8) 3827 8535 Fax: (84 - 8) 3827 8536 Email: <a href="mailto:ir@vinawealth.com.vn">ir@vinawealth.com.vn</a> Website: <a href="http://www.vinawealth.com.vn">www.vinawealth.com.vn</a>  | Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth Tầng 5, Cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84 - 8) 3827 8535 Fax: (84 - 8) 3827 8536 Email: <a href="mailto:ir@vinawealth.com.vn">ir@vinawealth.com.vn</a> Website: <a href="http://www.vinawealth.vn">www.vinawealth.vn</a>   | Cập nhật thông tin của VinaWealth            |

| 31   | Phụ lục số 11: Biểu phí Dịch vụ Ủy quyền   | <p><b>Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:</b></p> <table border="1"> <tr> <td>- Phí dịch vụ thường niên</td> <td>0,035% Giá trị tài sản ròng</td> </tr> </table> <p><b>Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:</b></p> <table border="1"> <tr> <td>- Phí dịch vụ thường niên</td> <td>0,05% NAV</td> </tr> <tr> <td>- Phí giao dịch mua/ bán (khi phát sinh)</td> <td>0,03% giá trị giao dịch</td> </tr> <tr> <td>- Phí hoa hồng thanh toán cho đại lý phân phối</td> <td>500.000 đồng / đại lý</td> </tr> <tr> <td>- Phí thưởng cho đại lý phân phối (nếu có)</td> <td>1.500.000 đồng/ đại lý</td> </tr> <tr> <td>- Phí tạo lập nhà đầu tư (lần đầu)</td> <td>15.000 đồng/ nhà đầu tư</td> </tr> <tr> <td>- Phí tạo lập đại lý phân phối (lần đầu)</td> <td>1.000.000 đồng/ đại lý</td> </tr> <tr> <td>- Phí phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có)</td> <td>0,03% lợi nhuận phân phối</td> </tr> <tr> <td>- Phí tái đầu tư (khi phát sinh)</td> <td>200.000 đồng/ nhà đầu tư</td> </tr> <tr> <td>- Phí cấp thiết bị HSBCnet</td> <td>330.000 đồng/ thiết bị</td> </tr> <tr> <td>- Phí dịch vụ HSBCnet (*)</td> <td>550.000 đồng / tháng</td> </tr> <tr> <td>- Phí gửi thư nhà đầu tư (số lượng lớn)</td> <td>100.000 đồng/ nhà đầu tư</td> </tr> </table> <p><b>Ghi chú:</b></p> <p>Biểu phí trên không bao gồm nhưng không giới hạn các phí trả cho: Trung tâm lưu ký, phí giao dịch tài sản (nếu có).</p> <p>Tổ chức cung cấp dịch vụ ủy quyền. Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC với thông tin chi tiết được cung cấp trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo Bạch.</p> <p>(*) Hiện tại quỹ không chịu chi phí sử dụng dịch vụ HSBCnet.</p> | - Phí dịch vụ thường niên  | 0,035% Giá trị tài sản ròng          | - Phí dịch vụ thường niên | 0,05% NAV                               | - Phí giao dịch mua/ bán (khi phát sinh) | 0,03% giá trị giao dịch | - Phí hoa hồng thanh toán cho đại lý phân phối                  | 500.000 đồng / đại lý | - Phí thưởng cho đại lý phân phối (nếu có) | 1.500.000 đồng/ đại lý                  | - Phí tạo lập nhà đầu tư (lần đầu) | 15.000 đồng/ nhà đầu tư | - Phí tạo lập đại lý phân phối (lần đầu)  | 1.000.000 đồng/ đại lý                              | - Phí phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có) | 0,03% lợi nhuận phân phối | - Phí tái đầu tư (khi phát sinh) | 200.000 đồng/ nhà đầu tư | - Phí cấp thiết bị HSBCnet | 330.000 đồng/ thiết bị | - Phí dịch vụ HSBCnet (*) | 550.000 đồng / tháng | - Phí gửi thư nhà đầu tư (số lượng lớn) | 100.000 đồng/ nhà đầu tư | <p><b>Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:</b></p> <table border="1"> <tr> <td>- Phí dịch vụ thường niên</td> <td>0,04% Giá trị tài sản ròng. Tối thiểu 15 triệu VND một tháng.</td> </tr> </table> <p><b>Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Loại dịch vụ</th> <th>Mức phí (Chưa bao gồm VAT)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Phí cố định hàng tháng</td> <td>10.000.000 đồng/tháng</td> </tr> <tr> <td>- Phí giao dịch mua/ bán (khi phát sinh)</td> <td>Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: Miễn phí.<br/>Từ giao dịch từ số 401 trở đi trong 1 lần giao dịch: 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/ccq mà VinaWealth công bố tại ngày giao dịch liền trước)</td> </tr> <tr> <td>- Phí tạo lập nhà đầu tư và đại lý phân phối, ngân hàng giám sát (lần đầu)</td> <td>Miễn phí</td> </tr> <tr> <td>- Phí phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có)</td> <td>Miễn phí</td> </tr> <tr> <td>- Phí gửi thư nhà đầu tư</td> <td>Trả theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho CTQLQ kèm theo tài liệu chứng minh</td> </tr> <tr> <td>Phí thực hiện quyền:<br/>+ Lập danh sách thực hiện quyền</td> <td>1.000.000 đồng/lần lập danh sách</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Ghi chú:</b></p> <p>Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền VinaWealth trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.</p> | - Phí dịch vụ thường niên | 0,04% Giá trị tài sản ròng. Tối thiểu 15 triệu VND một tháng. | Loại dịch vụ | Mức phí (Chưa bao gồm VAT) | - Phí cố định hàng tháng | 10.000.000 đồng/tháng | - Phí giao dịch mua/ bán (khi phát sinh) | Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: Miễn phí.<br>Từ giao dịch từ số 401 trở đi trong 1 lần giao dịch: 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/ccq mà VinaWealth công bố tại ngày giao dịch liền trước) | - Phí tạo lập nhà đầu tư và đại lý phân phối, ngân hàng giám sát (lần đầu) | Miễn phí | - Phí phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có) | Miễn phí | - Phí gửi thư nhà đầu tư | Trả theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho CTQLQ kèm theo tài liệu chứng minh | Phí thực hiện quyền:<br>+ Lập danh sách thực hiện quyền | 1.000.000 đồng/lần lập danh sách | Cập nhật phí dịch vụ thanh toán cho tổ chức cung cấp dịch vụ thay thế. |
|--|--|--|--|--------------------------------------|---------------------------|---|--|-------------------------|---|-----------------------|--|---|------------------------------------|-------------------------|---|---|---|---------------------------|----------------------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|---------------------------|----------------------|---|--------------------------|---|---------------------------|---|--------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------|--|--|--|----------|---|----------|--------------------------|--|---|----------------------------------|--|
| - Phí dịch vụ thường niên  | 0,035% Giá trị tài sản ròng  |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí dịch vụ thường niên  | 0,05% NAV  |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí giao dịch mua/ bán (khi phát sinh)                                   | 0,03% giá trị giao dịch  |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí hoa hồng thanh toán cho đại lý phân phối                             | 500.000 đồng / đại lý  |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí thưởng cho đại lý phân phối (nếu có)                                 | 1.500.000 đồng/ đại lý   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí tạo lập nhà đầu tư (lần đầu)   | 15.000 đồng/ nhà đầu tư  |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí tạo lập đại lý phân phối (lần đầu)                                   | 1.000.000 đồng/ đại lý   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có)                          | 0,03% lợi nhuận phân phối  |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí tái đầu tư (khi phát sinh)   | 200.000 đồng/ nhà đầu tư   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí cấp thiết bị HSBCnet   | 330.000 đồng/ thiết bị   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí dịch vụ HSBCnet (*)  | 550.000 đồng / tháng   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí gửi thư nhà đầu tư (số lượng lớn)                                    | 100.000 đồng/ nhà đầu tư   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí dịch vụ thường niên  | 0,04% Giá trị tài sản ròng. Tối thiểu 15 triệu VND một tháng.  |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| Loại dịch vụ   | Mức phí (Chưa bao gồm VAT)   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí cố định hàng tháng   | 10.000.000 đồng/tháng  |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí giao dịch mua/ bán (khi phát sinh)                                   | Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: Miễn phí.<br>Từ giao dịch từ số 401 trở đi trong 1 lần giao dịch: 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/ccq mà VinaWealth công bố tại ngày giao dịch liền trước) |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí tạo lập nhà đầu tư và đại lý phân phối, ngân hàng giám sát (lần đầu) | Miễn phí   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có)                          | Miễn phí   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| - Phí gửi thư nhà đầu tư   | Trả theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho CTQLQ kèm theo tài liệu chứng minh   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| Phí thực hiện quyền:<br>+ Lập danh sách thực hiện quyền                    | 1.000.000 đồng/lần lập danh sách   |  |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| 32   | Phụ lục số 14 – Phần A: Biểu phí giao dịch CCQ – Mục 1   | <p>Phí phát hành CCQ: Do VinaWealth ấn định và công bố trên trang thông tin điện tử của VinaWealth nhưng không quá 1% giá trị đăng ký mua. <u>Mức phí phát hành hiện tại:</u></p> <p>a. <u>Chương trình đầu tư thông thường: tối đa 0.75% giá trị đăng ký mua.</u></p> <p>b. <u>Chương trình đầu tư tiết kiệm VinaSave: 0%</u></p>   | <p>Phí phát hành CCQ: Do VinaWealth ấn định và công bố trên trang thông tin điện tử của VinaWealth nhưng không quá 5% giá trị đăng ký mua.</p> | Chỉnh lý, bỏ đi phần không cần thiết |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| 33   | Phụ lục số 14 – Phần A: Biểu phí giao dịch CCQ – Mục 3   | <p>Phí mua lại: <u>dựa lên giá trị mua lại căn cứ trên thời gian đầu tư (năm giữ) chứng chỉ quỹ được xác định theo phương pháp mua trước bán trước (FIFO).</u></p> <p>a. <u>Chương trình đầu tư thông thường.</u></p> <table border="1"> <tr> <td>Thời gian nắm giữ kể từ thời điểm phát hành đến khi bán lại CCQ</td> <td>Dưới 1 năm</td> <td>Từ 1 năm trở lên</td> </tr> <tr> <td>Tỉ lệ phí tính trên giá trị đăng ký bán</td> <td>1,5%</td> <td>0%</td> </tr> </table> <p>b. <u>Chương trình VinaSave.</u></p> <table border="1"> <tr> <td>Thời gian nắm giữ kể từ thời điểm phát hành đến khi bán lại CCQ</td> <td>Dưới 2 năm</td> <td>Từ 2 năm trở lên</td> </tr> <tr> <td>Tỉ lệ phí tính trên giá trị đăng ký bán</td> <td>2,5%</td> <td>0%</td> </tr> </table>  | Thời gian nắm giữ kể từ thời điểm phát hành đến khi bán lại CCQ  | Dưới 1 năm                           | Từ 1 năm trở lên          | Tỉ lệ phí tính trên giá trị đăng ký bán | 1,5%                                     | 0%                      | Thời gian nắm giữ kể từ thời điểm phát hành đến khi bán lại CCQ | Dưới 2 năm            | Từ 2 năm trở lên                           | Tỉ lệ phí tính trên giá trị đăng ký bán | 2,5%                               | 0%                      | <p>Phí mua lại: <u>Do VinaWealth ấn định và công bố trên trang thông tin điện tử của VinaWealth nhưng không quá 3% giá trị đăng ký bán.</u></p> | Cập nhật thông tin phí phát hành và phí mua lại CCQ |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| Thời gian nắm giữ kể từ thời điểm phát hành đến khi bán lại CCQ            | Dưới 1 năm   | Từ 1 năm trở lên   |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| Tỉ lệ phí tính trên giá trị đăng ký bán                                    | 1,5%   | 0%   |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| Thời gian nắm giữ kể từ thời điểm phát hành đến khi bán lại CCQ            | Dưới 2 năm   | Từ 2 năm trở lên   |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |
| Tỉ lệ phí tính trên giá trị đăng ký bán                                    | 2,5%   | 0%   |  |                                      |                           |   |  |                         |   |                       |  |   |                                    |                         |   |   |   |                           |                                  |                          |                            |                        |                           |                      |   |                          |   |                           |   |              |                            |                          |                       |  |  |  |          |   |          |                          |  |   |                                  |  |



|    |   |  |   |  |
|----|---|--|---|--|
| 34 | Phụ lục số 15: Danh sách các tổ chức phân phối Chứng chỉ quỹ VEOF | <p>1. Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth)<br/>         Địa chỉ: Lầu 17, Cao Ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM Việt Nam<br/>         Điện thoại: (84-8) 3827 8535<br/>         Fax: (84-8) 3827 8536</p> <p>[...]</p> <p>3. Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt (VDSC)<br/>         Địa chỉ: 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br/>         Điện thoại: (84-8) 6299 2006<br/>         Fax: (84-8) 6291 7986</p> | <p>1. Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ VinaWealth (VinaWealth)<br/>         Địa chỉ: Lầu 5, Cao Ốc SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM Việt Nam<br/>         Điện thoại: (84-8) 3827 8535<br/>         Fax: (84-8) 3827 8536</p> <p>[...]</p> <p>3. Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt (VDSC)<br/>         3.1 Trụ sở chính<br/>         Địa chỉ: 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam<br/>         Điện thoại: (84-8) 6299 2006<br/>         Fax: (84-8) 6291 7986</p> <p>3.2 Chi nhánh Hà Nội<br/>         Địa chỉ: Tầng 2, 3, 4 Số 2C Thái Phiên, P. Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam<br/>         Điện thoại: (84-4) 6288 2006<br/>         Fax: (84-4) 6288 2008</p> <p>5. Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime<br/>         5.1 Trụ sở chính<br/>         Địa chỉ: Tầng 1&amp;3, tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội<br/>         Điện thoại: (84-4) 3776 5929<br/>         Fax: (84-4) 3776 5928</p> <p>5.2 Chi nhánh Hà Nội<br/>         Địa chỉ: Tầng 9, 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội<br/>         Điện thoại: (84-4) 3776 5929<br/>         Fax: (84-4) 3776 5928</p> <p>5.3 Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh<br/>         Địa chỉ: Tầng 7, Maritime Bank Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh<br/>         Điện thoại: (84-8) 3521 4299<br/>         Fax: (84-8) 3914 1969</p> <p>6. Công ty Cổ phần TNHH CK, NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng<br/>         6.1 Trụ sở chính<br/>         Địa chỉ: Tầng 3-4, 362 Phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội<br/>         Điện thoại: (84-4) 3974 3655<br/>         Fax: (84-4) 3974 3656</p> <p>6.2 Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh<br/>         Địa chỉ: Tầng 3, Tòa Nhà AB, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh<br/>         Điện thoại: (84-8) 3823 8608<br/>         Fax: (84-8) 3823 8609 &amp; (84-4) 3823 8610</p> <p>6.3 Chi nhánh Nguyễn Chí Thanh<br/>         Địa chỉ: Tầng 3, Số 129 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh<br/>         Điện thoại: (84-3) 6296 4210</p> | Cập nhật thông tin của VinaWealth và tổ chức phân phối |
|----|---|--|---|--|